

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDTNT THPT huyện Kon Plông
Mã đơn vị: 1012069
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		131	6.265.036	2.282.124	3.155.937	2.183.214							
1	Âm ly di động INNOSM-A738	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	10.000		10.000			x					
2	Bàn ghế tiếp khách (Gỗ nhóm I)	Phòng hiệu trưởng	1	19.500	19.500									
3	Bản quyền phần mềm chấm thi trắc nghiệm MR.TEST 3.4	Phòng giáo vụ	1	20.000	20.000									
4	Bản quyền phần mềm Giáo án điện tử	Trường PT DTNT KonPlông	1	6.000	6.000									
5	Bản quyền phần mềm kế toán MISA	Phòng kế toán	1	9.850	9.850									
6	Bản quyền phần mềm QLTS	Phòng kế toán	1	8.900	8.900									
7	Bộ lưu điện cho máy chủ phòng tin học	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	22.753										
8	Cột bóng rổ L12	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.500		14.500	10.875		x					
9	Đường dây 0,4KV cấp điện tổng	Trường PT DTNT KonPlông	1	105.879	105.879									
10	Giếng khoan	Trường PT DTNT KonPlông	1	213.064	213.064									
11	Giếng nước 10M KỶ TÚC XÁ	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	29.699	29.699		11.880		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Giếng nước khu bán trú nhà tạm	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	19.959	19.959		5.988		x					
13	Giếng nước và hệ thống nước sinh hoạt	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	71.605	71.605		35.803		x					
14	Hệ thống âm ly loa đài	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	60.000		60.000			x					
15	Hệ thống âm thanh di động	Phòng đa năng	1	25.928										
16	Hệ thống bếp lò hơi cơ khí D350	Nhà bếp học sinh	1	205.500	205.500		35.963							
17	Hệ thống Camera quan sát KBVISION	Phòng hội đồng	1	27.000	27.000		16.875		x					
18	Hệ thống loa, âm ly	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	55.900	55.900									x
19	Hệ thống máy lọc nước 7 vòi	Bếp ăn tập thể	1	115.893	115.893		69.536							
20	Hệ thống thoát nước, điện ngoài nhà	Trường PT DTNT KonPlông	1	66.558		66.558	53.247		x					
21	Kết sắt đổi mã HP	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	13.800	13.800									
22	Loa trợ giảng Inno SM- A738(SỐ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	10.950		10.950	6.570		x					
23	Loa trợ giảng Inno SM- A738(SỐ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	10.950		10.950	6.570		x					
24	Loa trợ giảng Inno SM- A738(SỐ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	10.950		10.950	6.570		x					
25	Loa trợ giảng Inno SM- A738(SỐ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	10.950		10.950	6.570		x					
26	Màn hình LED tương tác 65 inc INNOITV-650	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	82.670		82.670			x					
27	Máy ảnh Canon LS750D	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	16.150	16.150		3.230		x					
28	Máy chấm trắc nghiệm	Phòng giáo vụ	1	46.070	46.070									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
29	Máy chiếu công nghệ đa năng VIEWSONY CPJD5255	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	25.290		25.290			x					
30	Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210 phan hiệu	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	52.506		52.506			x					
31	Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210WN	Phòng bộ môn sinh học	1	52.506					x					
32	Máy chiếu đa vật thể VERTEX D-4105S	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	21.950	21.950				x					
33	Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	17.902	17.902				x					
34	Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P	Phòng bộ môn khoa học xã hội	1	17.902										
35	Máy chủ ACER AT350-F3 phòng máy tính	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	129.766					x					
36	Máy fax CANON I-170	Phòng văn thư	1	11.251					x					
37	Máy in Laser khổ A3	Phòng giáo vụ	1	10.000		10.000	6.000		x					
38	Máy in laser trắng đen Canon LBP 253X	Phòng văn thư	1	13.752					x					
39	Máy lọc nước RO 100L	Khu Kí túc xá	1	99.500	99.500									
40	Máy ôn áp tự động SH 10000 II	Phòng Tin học	1	10.500		10.500	6.300		x					
41	Máy photo Konika	Phòng giáo vụ	1	60.500	60.500		15.125		x					
42	Máy photocopy KONICAMI NOLTA BIZUB 206	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	39.900		39.900	9.975		x					
43	Máy photocopy Konika Minolta Bizhub 368	Phòng giáo vụ	1	82.500	82.500		61.875							
44	Máy photocopy SHARP AR-M460N	Phòng văn thư	1	107.513			40.317		x					
45	Máy quay KTS	Phòng văn thư	1	20.527			7.698							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
46	Máy quét tài liệu chuyên dụng DR-C240 DULEX	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	46.070	46.070		8.062		x					
47	Máy Scan PLUSTEK PS4080U	Phòng văn thư	1	25.003					x					
48	Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	20.940		20.940	12.564							x
49	Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	20.940		20.940	12.564							x
50	Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	20.940		20.940	12.564							x
51	Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)	Phòng ngoại ngữ	1	20.940		20.940	12.564							x
52	Máy tính cho giáo viên tin học	Phòng dạy tin	1	20.027					x					
53	Máy tính để bàn Acer	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	12.845	12.845				x					
54	Máy tính để bàn chipset H61	Phòng Tin học	1	34.500	34.500					x				
55	Máy tính DeLL coi5 cho giáo viên phòng tin	Phòng Tin học	1	15.000		15.000	9.000		x					
56	Máy tính học sinh phòng máy	Phòng dạy tin	1	387.046		387.046								
57	Máy tính HP15	Phòng bộ môn Mỹ Thuật	1	25.290	25.290									
58	Máy tính LENOVOG4070	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	13.000	13.000				x					
59	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
60	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
61	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
62	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
63	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
64	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
65	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
66	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
67	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
68	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
69	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
70	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
71	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
72	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
73	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
74	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
75	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
76	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
77	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
78	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
79	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
80	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
81	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
82	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
83	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
84	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
85	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
86	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
87	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
88	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
89	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
90	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
91	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
92	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
93	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
94	Máy tính thư viện Acer X4650G	Phòng dạy tin	1	55.282										
95	Máy tính xách tay HP 15	Phòng tư vấn học đường	1	26.000	26.000									x
96	Máy tính xách tay Intel Core i7 - 6500U	Phòng dạy tin	1	196.000					x					
97	Máy tính xách tay Y4G01PA	Phòng giáo vụ	1	25.000		25.000			x					
98	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	85.000	85.000					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
99	MTXT Acer P449M	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	39.005										
100	Phần mềm kế toán HCSN	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	10.500	10.500		8.400		x					
101	Phần mềm quản lý tiền lương	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	19.900	19.900		11.940		x					
102	Phần mềm Quản lý tiền lương MISA SalaGov	Phòng kế toán	1	19.900	19.900		11.940		x					
103	Phần mềm quản lý trường học	Phân hiệu trường PTDTNT	1	15.000		15.000	12.000		x					
104	Phần mềm tạo đề chấm thi trắc nghiệm MrTEST 6.0S	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	27.320		27.320	21.856		x					
105	Phần mềm tạo đề và chấm trắc nghiệm MrTEST 6.0	Phòng giáo vụ	1	27.320	27.320		18.037		x					
106	Phần mềm thời khóa biểu	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	15.000	15.000		12.000		x					
107	Sân bóng chuyên	Trường PT DTNT KonPlông	1	284.069	284.069		142.035							
108	Sân đường bộ	Trường PT DTNT KonPlông	1	815.366		815.366	733.829		x					
109	Sân khấu văn nghệ	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	30.459	30.459		7.615		x					
110	Server cho máy chủ phòng tin học	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	22.753					x					
111	Thiết bị mạng, thiết bị điện và phụ kiện	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	19.002					x					
112	Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỞ CẤP 2021)Inch(DML CD 654K)	Phòng ngoại ngữ	1	39.400		39.400	23.640		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
113	Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch(DML CD 654K)	Phòng ngoại ngữ	1	39.400		39.400	23.640		x					
114	Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch(DML CD 654K)	Phòng ngoại ngữ	1	39.400		39.400	23.640		x					
115	Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch(DML CD 654K)	Phòng ngoại ngữ	1	39.400		39.400	23.640		x					
116	Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 Inch(DML CD 654K)	Phòng ngoại ngữ	1	39.400		39.400	23.640		x					
117	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
118	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
119	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
120	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
121	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
122	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
123	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
124	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
125	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
126	Tivi LG 660LX 541H	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	267.920		267.920								
127	Tivi LG LV-340C	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	48.006										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
128	Tivi thông minh LG 55 inc	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	68.550	68.550				x					
129	Trang bị thiết bị phòng họp trực tuyến, Tivi, micro, Bộ điều khiển, Camera..	Trường PT DTNT KonPlông	1	95.000	95.000		57.000		x					
130	Tủ hồ sơ HP 2 cánh (tủ sắt)	Trường PT DTNT KonPlông	1	11.600	11.600									
131	Tủ HS gỗ tự nhiên nhóm IV	Khu Kí túc xá	1	190.000	190.000									

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Duyên

Phan Anh Khánh